TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2021/DS-PT
Ngày 18-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2021/QĐ-PT ngày 10/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 51/TB-TA ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hưng H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 130, đường Trần Văn Ư, Phường 13, quận T, Thành phố M. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thanh V, sinh năm 1966; địa chỉ: F4/7/7, ấp 6C, xã V, huyện B, Thành phố M. Tạm trú: Số 210/7A, tổ 12, khu phố C, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thụy Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: F4/7/7, ấp 6C, xã V, huyện B, Thành phố M. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Hưng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Hưng H trình bày:

Ngày 06/9/2012, ông H cho bà Ngô Thị Thanh V vay số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 16/10/2012, ông H tiếp tục cho bà V vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Tổng cộng, ông H cho bà V vay số tiền 100.000.000 đồng. Cả 02 lần vay bà V đều có viết giấy vay tiền. Quá trình trả nợ, bà V trả được cho ông H tổng cộng 75.000.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 07/12/2016 đến ngày 01/02/2019 bà V trả dần 500.000 đồng/tháng có tháng trả 1.000.000 đồng/tháng, tổng trả được 16.500.000 đồng; ngày 21/5/2019 bà Trần Thụy Thu T (là con bà V) thay mặt bà V trả tiếp số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 25.000.000 đồng, bà V không trả tiếp cho ông H, do đó ông H khởi kiện yêu cầu bà V trả cho ông H 25.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất với số tiền 19.000.000 đồng tính từ tháng 10/2012 đến tháng 4/2019. Đối với Giấy cam kết hoàn nợ không ngày tháng năm 2019 mà bà V và bà T trình bày là do tình thế ép buộc, sợ bà V trả từ từ trong thời gian dài mà ông H đã lớn tuổi nên ông H mới đồng ý ký thỏa thuận để nhận số tiền 50.000.000 đồng do bà T trả thay bà V, nếu ông H không đồng ý thỏa thuận theo yêu cầu của bà T thì bà V sẽ trả từ từ và đến bao giờ mới trả xong.

Chứng cứ ông H cung cấp cho Tòa án gồm: Bản photo Giấy vay tiền ngày 06/9/2012 và ngày 16/10/2012; bản chính Giấy trả nợ từ ngày 07/12/2016 đến ngày 01/02/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Thanh V trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông H về số tiền vay 100.000.000 đồng và số tiền trả nợ 75.000.000 đồng. Do bà V không có khả năng trả tiếp nên con bà V là Trần Thụy Thu T thỏa thuận với ông T, nội dung là bà T thay mặt bà V trả số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông H phải đồng ý xóa hết nợ cho bà V, còn nếu như ông H không đồng ý thì bà V vẫn tiếp tục hàng tháng trả cho ông H số tiền 500.000 đồng/tháng hoặc 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi nào trả xong hết nợ. Ông H đồng ý với thỏa thuận của bà T, nhận số tiền 50.000.000 đồng và ký vào Giấy cam kết hoàn nợ không ngày tháng năm 2019, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không ép buộc. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu bà V trả nợ số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất thì bà V không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thụy Thu T trình bày:

Bà T là con của bà V, bà T thống nhất với lời trình bày của bà V. Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng mà bà V vay của ông H thì bà T có ý kiến như sau:

Sau khi bà V trả nợ cho ông H số tiền 16.500.000 đồng, số tiền còn lại thì bà V không có khả năng trả nợ nữa. Bà T thay mặt bà V thỏa thuận với ông H là bà T trả thay bà V số tiền 50.000.000 đồng cho ông H, ông H đồng ý xóa số nợ còn lại cho bà V, ông H đồng ý thỏa thuận với lời đề nghị của bà T và ký vào Giấy cam kết hoàn nợ không ngày tháng năm 2019, bà T chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho ông H qua tài khoản Ngân hàng. Ông H nhận tiền và không có ý kiến gì. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu bà V trả nợ số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất thì bà T không đồng ý.

Chứng cứ bà V, bà T cung cấp cho Tòa án gồm: Bản chính Giấy vay tiền ngày 06/9/2012 và ngày 16/10/2012; bản chính Giấy cam kết hoàn nợ không ngày, tháng, năm 2019; 07 liên chính Giấy nộp tiền tại Ngân hàng người chuyển tiền Trần Thụy Thu T, người nhận tiền Trần Hưng H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hưng H đối với bà Ngô Thị Thanh V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/3/2021 nguyên đơn ông Trần Hưng H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Hưng H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 25.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày Tòa án xét xử phúc thẩm là 121.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 146.000.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị Thanh V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Hiện bị đơn không còn nợ nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Hiện bị đơn không còn nợ nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy cam kết hoàn nợ năm 2019 được ký kết giữa nguyên đơn ông Trần Hưng H với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh V, thể hiện ông H đã đọc và đồng ý ký tên xác nhận với nội dung cam kết *"Nay tôi cam kết bà V không còn thiếu tôi bất kỳ một khoản nào"*, đây là nội dung chốt nợ, vì vậy giữa nguyên đơn và bị đơn không còn nợ tiền của nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày, kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về số tiền đã vay là 100.000.000 đồng và số tiền bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 75.000.000 đồng và nguyên đơn có ký vào "Giấy cam kết hoàn nợ" không đề ngày tháng năm 2019. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại là 25.000.000 đồng và tiền lãi suất là 19.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và 121.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm. Bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng và số tiền lãi suất với lý do là căn cứ vào Giấy cam kết hoàn nợ năm 2019 thì sau khi bà T đứng ra trả nợ thay cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản tại số tài khoản 0110309645 mang tên Trần Hưng H của Ngân hàng Đ, chi nhánh C thì bị đơn không còn nợ nguyên đơn bất kỳ một khoản tiền nào.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn có vay số tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn và đến trước ngày 21/5/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 75.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản thì giữa nguyên đơn và bà Trần Thụy Thu T là con của bị đơn đã thỏa thuận với nhau, nguyên đơn ký vào "Giấy cam kết hoàn nợ", tại thời điểm ký Giấy cam kết hoàn nợ năm 2019 nguyên đơn đã đọc lại nội dung, hiểu rõ nội dung ghi trong Giấy cam kết đồng thời khi ký giấy thỏa thuận nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Do đó, đủ cơ sở xác định Giấy cam kết hoàn nợ năm 2019 là giao dịch dân sự có hiệu lực được quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, vì vậy nguyên đơn cho rằng bị rơi vào tình thế ép buộc nên ký vào Giấy cam kết là hoàn toàn không có cơ sở. Việc nguyên đơn ký cam kết và đồng ý với thỏa thuận là bị đơn không còn thiếu nguyên đơn bất kỳ khoản nợ nào sau khi nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng, xét thấy đây là sự thỏa thuận giữa bà T và nguyên đơn nhằm chấm dứt quyền và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn được quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung ghi trong Giấy hoàn nợ xét thấy bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 373 Bộ luật Dân sự, do đó đủ cơ sở để xác định bị đơn đã chấm dứt nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật, đến ngày 21/5/2019 bị đơn không còn nợ tiền của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm buộc bị đơn đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi suất nhưng không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hưng H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 143; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 372, 373, 385, 386, 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hưng H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hưng H được miễn nộp án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- VKSND thành phố D;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Huy Cường